

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU  
Y TẾ DOMESCO**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010



## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh các báo cáo tài chính	11 - 37

03004  
CÔNG  
SÁCH NHIỀU  
BÌ  
VIỆT  
TP. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 51030000015 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1400460395 đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, với vốn điều lệ là 178.093.360.000 đồng, cụ thể như sau:

Cổ đông góp vốn	Số cổ phần	Số tiền VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	6.181.778	61.817.780.000	34,7
Cổ đông khác	11.627.558	116.275.580.000	65,3
<b>Cộng</b>	<b>17.809.336</b>	<b>178.093.360.000</b>	<b>100</b>

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Huỳnh Trung Chánh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Công Toàn	Thành viên
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Trịnh Hoài Giang	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tiến	Phó Tổng Giám đốc

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Văn phòng đại diện của Công ty được đặt tại số 37 đường Thành Thái, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh và tại số 9A đường Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

4899  
G TY  
M HỮU  
10  
NAM  
lỗ cờ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Đồng Tháp đặt tại số 32, đường Lê Anh Xuân, khóm 2, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cần Thơ đặt tại lô A 325B-325C, khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội ở số 23N7A, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng tại lô 23-24B20, Khu tái định cư Thanh Lộc Đán, Hòa Minh mở rộng, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Vinh đặt tại số 159 đường Trần Hưng Đạo, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 1 ở Khu công nghiệp Tân Tạo, lô 24A-24B đường Trung Tâm, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 2 đặt tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Miền Đông số R65 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Hải Dương số 77 Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

#### 4. **Hoạt động chính**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm - thực phẩm thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc.

Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 30 tháng 12 năm 2003).

#### 5. **Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### 6. **Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 7. **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**8. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**9. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



**HUỲNH TRUNG CHÁNH** *[Signature]*

Chủ tịch

Thành phố Cao Lãnh, ngày 15 tháng 3 năm 2011



Số: 00087.HCM/65.10

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

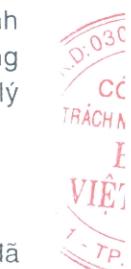


Tổng Giám Đốc  
Chứng chỉ KTV số Đ.0065/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

  
**BÙI TUYẾT VÂN**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>436.617.528.961</b>	<b>404.665.893.574</b>
<b>Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>41.392.630.785</b>	<b>22.821.815.791</b>
Tiền	111		41.392.630.785	22.821.815.791
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>185.120.424.859</b>	<b>200.928.442.790</b>
Phải thu khách hàng	131	4.2	178.312.460.440	194.073.520.045
Trả trước cho người bán	132		8.383.145.351	9.088.206.432
Các khoản phải thu khác	135	4.3	4.485.642.016	4.024.193.997
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.060.822.948)	(6.257.477.684)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.4	<b>199.460.540.525</b>	<b>167.376.698.750</b>
Hàng tồn kho	141		199.460.540.525	167.376.698.750
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.643.932.792</b>	<b>13.538.936.243</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	3.355.361.128	3.569.235.062
Thuế GTGT được khấu trừ	152		960.841.582	3.006.508.826
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	6.327.730.082	6.963.192.355
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>330.190.987.708</b>	<b>305.311.235.452</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>242.938.886.127</b>	<b>222.070.055.976</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	181.295.165.767	130.454.112.474
Nguyên giá	222		276.897.851.546	204.968.122.293
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.602.685.779)	(74.514.009.819)
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	38.154.107.719	37.979.161.872
Nguyên giá	228		38.952.756.997	38.437.473.245
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(798.649.278)	(458.311.373)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	23.489.612.641	53.636.781.630
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>84.033.180.000</b>	<b>78.213.960.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251	4.10	4.500.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.11	73.570.200.000	73.570.200.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.12	5.962.980.000	4.643.760.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.218.921.581</b>	<b>5.027.219.476</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.13	3.218.921.581	5.027.219.476
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>766.808.516.669</b>	<b>709.977.129.026</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>220.316.632.699</b>	<b>212.724.432.774</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>195.047.112.250</b>	<b>197.575.918.877</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.14	112.982.981.362	70.819.739.361
Phải trả người bán	312	4.15	42.640.270.151	72.396.892.281
Người mua trả tiền trước	313		1.779.555.838	8.783.936.312
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.16	12.138.683.380	19.090.924.929
Phải trả người lao động	315		10.233.953.653	16.885.274.946
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.17	10.485.221.534	4.947.439.876
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.18	4.786.446.332	4.651.711.172
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.269.520.449</b>	<b>15.148.513.897</b>
Phải trả dài hạn khác	333	4.19	931.249.931	3.417.660.752
Vay và nợ dài hạn	334	4.20	24.084.901.700	11.541.101.700
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4.21	253.368.818	189.751.445
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>546.491.883.970</b>	<b>497.252.696.252</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>546.491.883.970</b>	<b>497.252.696.252</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		178.093.360.000	178.093.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		229.275.000.000	229.275.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.737.386.415)	(15.737.386.415)
Quỹ đầu tư phát triển	417		58.236.641.879	33.053.413.153
Quỹ dự phòng tài chính	418		14.225.821.980	10.560.423.609
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		82.398.446.526	62.007.885.905
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>766.808.516.669</b>	<b>709.977.129.026</b>

195-C/1  
Y  
UHAN  
M  
HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Ngoại tệ các loại			
USD		6.120,00	68.620,63
EUR		-	15.120,47
GBP		-	0,39



HUỲNH TRUNG CHÁNH  
Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

PHẠM NGỌC TUYỀN  
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

<b>CHỈ TIÊU</b>	Mã số	Thuyết minh	<b>Năm 2010</b> VND	<b>Năm 2009</b> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.113.098.646.568	1.071.895.125.105
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	69.659.148.720	3.997.822.113
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>5.3</b>	<b>1.043.439.497.848</b>	<b>1.067.897.302.992</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	5.4	728.277.573.025	750.295.758.943
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>315.161.924.823</b>	<b>317.601.544.049</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.5	7.918.126.468	7.410.029.139
Chi phí tài chính	22	5.6	20.038.179.147	6.714.971.345
Trong đó, chi phí lãi vay	23		14.033.238.359	5.153.557.779
Chi phí bán hàng	24	5.7	98.653.855.931	120.152.210.215
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.8	91.096.086.944	93.890.709.242
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>113.291.929.269</b>	<b>104.253.682.386</b>
Thu nhập khác	31	5.9	98.791.761	12.973.462.864
Chi phí khác	32	5.10	3.013.732	5.039.081.288
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>95.778.029</b>	<b>7.934.381.576</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>113.387.707.298</b>	<b>112.188.063.962</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	30.596.072.576	35.825.597.903
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>82.791.634.722</b>	<b>76.362.466.059</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.12	4.730	4.349



HUỲNH TRUNG CHÁNH  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Cao Lãnh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

*Phạm Ngọc Tuyền*

PHẠM NGỌC TUYỀN  
**Kế toán trưởng**



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>113.387.707.298</b>	<b>112.188.063.962</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	21.457.920.320	18.054.891.706
Các khoản dự phòng / (hoàn nhập)	03	-	(2.168.168.076)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	953.605.181	569.969.388
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.167.927.771)	(7.019.180.251)
Chi phí lãi vay	06	14.033.238.359	5.153.557.779
<b>Lợi nhuận KD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>147.664.543.387</b>	<b>126.779.134.508</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	19.120.961.252	(62.298.527.046)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(51.401.560.995)	(14.823.897.882)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(39.562.974.636)	(1.512.920.631)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	5.542.961.921	(3.196.731.043)
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.033.238.359)	(5.097.695.767)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(38.876.280.357)	(25.095.660.054)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.613.460.864
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(15.867.866.140)	(12.439.696.241)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.586.546.073</b>	<b>4.927.466.708</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21	(27.567.961.851)	(54.917.211.311)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TSDH khác	22	8.399.545	12.818.681.818
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.540.500.000)	(295.860.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	417.020.000	11.919.147.100
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.500.000.000)	(4.570.200.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.963.788.226	3.509.886.275
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(31.219.254.080)</b>	<b>(31.535.556.118)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(4.812.195.330)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	233.176.197.892	193.531.731.169
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(178.469.155.891)	(144.891.117.103)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.503.519.000)	(27.034.458.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>37.203.523.001</b>	<b>16.793.960.736</b>

004  
CÔNG  
TÌNH  
BD  
ET  
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	<b>18.570.814.994</b>	<b>(9.814.128.674)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	<b>22.821.815.791</b>	<b>32.635.944.465</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>41.392.630.785</b>	<b>22.821.815.791</b>



HUỲNH TRUNG CHÁNH  
Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

*Xanh*  
\_\_\_\_\_

PHẠM NGỌC TUYỀN  
Kế toán trưởng

18996  
CÔNG TY  
THƯƠNG MẠI  
DOMESCO  
TỔNG ĐỘNG THÁP  
CÀO LÃNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 51030000015 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1400460395 đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc.

Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 30 tháng 12 năm 2003).

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Văn phòng đại diện của Công ty được đặt tại số 37 đường Thành Thái, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh và tại số 9A đường Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Đồng Tháp đặt tại số 32, đường Lê Anh Xuân, khóm 2, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cần Thơ đặt tại lô A 325B-325C, khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội ở số 23N7A, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng tại lô 23-24B20, Khu tái định cư Thanh Lộc Đán, Hòa Minh mở rộng, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Vinh đặt tại số 159 đường Trần Hưng Đạo, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 1 ở Khu công nghiệp Tân Tạo, lô 24A-24B đường Trung Tâm, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 2 đặt tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Miền Đông số R65 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

- Chi nhánh Hải Dương số 77 Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số nhân viên của Công ty là 1.305 người, trong đó số nhân viên quản lý là 60 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng số nhân viên là 1.246, trong đó nhân viên quản lý là 59 người).

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập theo các nguyên tắc kế toán và luật định của Việt Nam có thể có một số khác biệt ở một số phương diện trọng yếu so với các Chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các Nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi ở quốc gia của người đọc báo cáo. Do đó, Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các khu vực nằm ngoài phạm vi Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

#### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: nhật ký - chứng từ

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 3.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài Đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc đồng tiền khác với Đồng Việt Nam vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh và đánh giá lại được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

### 3.3 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ đi khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

### 3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 năm - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 năm - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm - 10 năm
TSCĐ khác	3 năm - 10 năm

### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá TSCĐ vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	47 năm, vô thời hạn
Phần mềm máy vi tính	3 năm

### 3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

30  
C  
H  
I  
E  
T

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 3.8 Đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên năm mươi phần trăm (50%) quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể, thường nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con ít nhất 20% (hai mươi phần trăm) quyền biểu quyết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp *giá gốc*. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư dài hạn khác*

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư trái phiếu, cổ phiếu hoặc đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết),... và thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

### 3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ (-) đi giá trị đã phân bổ lũy kế.

Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, trong đó:

Công cụ dụng cụ	3 năm
Thuê cửa hàng, văn phòng	2 năm - 10 năm
Chi phí sửa chữa	2 năm

### 3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 3.11 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập vào cuối năm tài chính theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003. Mức trích lập quỹ 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

### 3.12 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### 3.13 Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

### 3.14 Chi phí tài chính

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

899  
CÔNG TY  
CHỦ SỞ HỮU  
DOMESCO  
JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 3.15 Thuế

#### *Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Các mặt hàng thuốc do Công ty sản xuất và kinh doanh chịu thuế suất 5%. Nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng và rượu chịu thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)*

##### *Ưu đãi thuế TNDN*

Đối với hoạt động sản xuất thuốc, Công ty được áp dụng thuế suất 20% (hai mươi phần trăm) trong 10 (mười) năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Đối với hoạt động khác, Công ty áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành là 25% (hai mươi lăm phần trăm).

##### *Chi phí thuế TNDN*

Chi phí thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành và thuế suất thuế TNDN hiện hành; và các điều chỉnh thuế TNDN của các giai đoạn trước vào thuế thu nhập giai đoạn hiện hành. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính, cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay chi phí không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 3.16 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty và người lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động với các tỷ lệ như sau:

	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm y tế	Bảo hiểm thất nghiệp	Công
Công ty	16,0%	3,0%	1,0%	20,0%
Người lao động	6,0%	1,5%	1,0%	8,5%
Cộng	22,0%	4,5%	2,0%	28,5%

### 3.17 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

### 3.19 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện hành nhằm tuân thủ theo Thông tư số 244/TT/BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 4.1 Tiền

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Tiền mặt - VND	3.891.363.945	5.195.817.161
Tiền gởi ngân hàng	(i) 37.501.266.840	17.625.998.630
	<b>41.392.630.785</b>	<b>22.821.815.791</b>

- (i) Số dư tiền gởi ngân hàng không kỳ hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

	Ngoại tệ	VND
VND	-	37.381.920.794
USD	6.120,00 #	119.346.046
		<b>37.501.266.840</b>

#### 4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Bên liên quan	53.550.000	330.538.772
Bên thứ ba	178.258.910.440	193.742.981.273
	<b>178.312.460.440</b>	<b>194.073.520.045</b>

#### 4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Thuế thu nhập cá nhân	1.394.925.408	458.824.145
Chi hộ tiền điện, nước cho Công ty Xây Dựng 319 - Bộ quốc phòng	52.425.000	52.425.000
Công ty Bình Minh Đỏ	36.750.000	-
Chi hộ chi phí quảng cáo Công ty TNHH Hóa Dược Đông Á	59.970.071	59.970.071
Nhà máy sản xuất cồn- Công ty Domenol	154.239.750	-
Chiết khấu mua hàng - Công ty Hisamitsu	2.087.269.787	1.467.499.172
Phải thu khác	(i) 700.062.000	1.985.475.609
	<b>4.485.642.016</b>	<b>4.024.193.997</b>

- (i) Đây là khoản phải thu lại các cá nhân đã nhận chuyển quyền mua lại nhà từ Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp là 665.982.000 đồng. Vào năm 2007, Công ty đã ứng cho Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp để đăng ký mua nhà phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng trong năm 2008, Công ty thay đổi nhu cầu sử dụng nên đã chuyển quyền mua nhà lại cho các cá nhân này.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 4.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Hàng mua đang đi đường	605.572.500	2.542.255.930
Nguyên liệu, vật liệu	62.619.223.164	29.976.744.703
Công cụ, dụng cụ	8.280.833.794	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.346.096.949
Thành phẩm	74.556.397.219	46.328.156.881
Hàng hóa	53.273.356.072	86.183.444.287
Hàng gửi đi bán	125.157.776	-
	<b>199.460.540.525</b>	<b>167.376.698.750</b>

### 4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Công cụ cung cụ ở xưởng	2.980.813.307	1.834.584.933
Công cụ dụng cụ ở văn phòng	374.547.821	895.084.609
Chi phí khác	-	839.565.520
	<b>3.355.361.128</b>	<b>3.569.235.062</b>

### 4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Tạm ứng	4.310.858.140	1.782.174.504
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.016.871.942	5.181.017.851
	<b>6.327.730.082</b>	<b>6.963.192.355</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>01/01/2010</b>	<b>104.533.557.573</b>	<b>74.914.005.852</b>	<b>16.820.765.437</b>	<b>8.699.793.431</b>	<b>204.968.122.293</b>
Mua trong kỳ	929.030.197	-	2.822.843.000	458.972.800	4.210.845.997
Đầu tư XD/CB	30.576.759.259	35.038.297.417	112.102.546	2.066.957.193	67.794.116.415
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.789.359)	-	(35.443.800)	(75.233.159)
<b>31/12/2010</b>	<b>136.039.347.029</b>	<b>109.912.513.910</b>	<b>19.755.710.983</b>	<b>11.190.279.624</b>	<b>276.897.851.546</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>01/01/2010</b>	<b>22.015.829.969</b>	<b>42.912.228.200</b>	<b>5.957.642.879</b>	<b>3.628.308.771</b>	<b>74.514.009.819</b>
Chi phí khấu hao	5.939.218.170	10.794.929.859	2.542.289.555	1.841.144.831	21.117.582.415
Khấu hao của TS hình thành từ quyển phúc lợi	46.326.704	-	-	-	46.326.704
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.789.359)	-	(35.443.800)	(75.233.159)
<b>31/12/2010</b>	<b>28.001.374.843</b>	<b>53.667.368.700</b>	<b>8.499.932.434</b>	<b>5.434.009.802</b>	<b>95.602.685.779</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>01/01/2010</b>	<b>82.517.727.604</b>	<b>32.001.777.652</b>	<b>10.863.122.558</b>	<b>5.071.484.660</b>	<b>130.454.112.474</b>
<b>31/12/2010</b>	<b>108.037.972.186</b>	<b>56.245.145.210</b>	<b>11.255.778.549</b>	<b>5.756.269.822</b>	<b>181.295.165.767</b>
<i>Trong đó:</i>					
Giá trị còn lại của tài sản thế chấp, cầm cố	25.295.243.355	13.579.309.074	-	-	38.874.552.429
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn đang sử dụng	9.849.741.572	20.250.813.165	2.951.731.880	1.788.389.965	34.840.676.582

8995  
 Ô CƠ  
 TY  
 THƯU  
 NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 4.8 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2010	<b>37.740.255.117</b>	<b>697.218.128</b>	<b>38.437.473.245</b>
Mua trong kỳ	-	515.283.752	515.283.752
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>31/12/2010</b>	<b>37.740.255.117</b>	<b>1.212.501.880</b>	<b>38.952.756.997</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2010	<b>179.424.123</b>	<b>278.887.250</b>	<b>458.311.373</b>
Khấu hao trong kỳ	179.424.124	160.913.781	340.337.905
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>31/12/2010</b>	<b>358.848.247</b>	<b>439.801.031</b>	<b>798.649.278</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2010	37.560.830.994	418.330.878	37.979.161.872
<b>31/12/2010</b>	<b>37.381.406.870</b>	<b>772.700.849</b>	<b>38.154.107.719</b>
<i>Trong đó:</i>			
GTCL của TS thế chấp, cầm cố	16.596.731.415	-	16.596.731.415



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2010 (VND)</b>	<b>01/01/2010 (VND)</b>
Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật - KCN Cần Lố	177.426.958	163.174.217
Tổng kho II - Tân Tạo	13.889.626.195	13.889.626.195
Quyền sử dụng đất	12.929.673.517	12.929.673.517
Chi phí san lấp, xây dựng, công trình phụ	959.952.678	959.952.678
Nhà máy sản xuất thuốc nguồn gốc dược liệu	(i) 359.629.327	36.657.207.326
Nhà máy SX thuốc viên- cối-bột	153.939.091	153.939.091
Chi nhánh Vinh	99.985.575	17.057.000
Nhà máy bao bì DOMEPACK (KCN Tân Tạo)	373.642.500	373.642.500
Hệ thống xử lý nước thải	1.752.663.784	171.261.055
Nhà máy cồn DOMENOL	-	145.393.300
Đất trồng dược liệu	983.312.054	983.310.060
Khu bảo tồn, khai thác, nuôi trồng thu mua dược liệu tại Gò Tháp	255.231.564	255.231.564
Khu bảo tồn, khai thác, nuôi trồng thu mua dược liệu tại Tri Tôn-An Giang	200.371.287	-
Công trình nhà máy nước tinh khiết Cần Lố	405.311.576	-
Công trình NM SX Thuốc Nonbeta lactam - Kem, Mỡ, Nước.	120.844.091	-
Công trình nhánh rẽ trung thế 3P-22KV & Trạm biến áp 3P-1600KVA (GD1)	1.176.875.742	-
Công trình hạ tầng kỹ thuật	2.865.377.131	-
Khác	675.375.766	826.939.322
	<b>23.489.612.641</b>	<b>53.636.781.630</b>

- (i) Quyền sở hữu công trình xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp (xem chi tiết ở thuyết minh 4.20 (i)).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.10 Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số dư (VND)	Tỷ lệ (%)	Số dư (VND)	Tỷ lệ (%)
	(i)	45	-	-
Công ty TNHH Domenol	<u>4.500.000.000</u>	<u>45</u>	<u>4.500.000.000</u>	<u>-</u>

- (i) Công ty TNHH Domenol theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1401164085 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 70% vốn điều lệ. Hoạt động chính của DOMENOL là sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu các hóa chất cơ bản và các sản phẩm hóa chất khác phục vụ cho việc sản xuất cồn công nghiệp; sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu rượu vang, rượu mạnh các loại, pha chế rượu mạnh các loại; sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu đồ uống có cồn, nước khoáng, nước uống đóng chai, đóng bình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.11 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>31/12/2010 (VND)</b>	<b>01/01/2010 (VND)</b>
		<b>73.570.200.000</b>	<b>73.570.200.000</b>
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC)	(i)	13.570.200.000	13.570.200.000
Công ty Cổ phần Domenal (DOMENAL)	(ii)	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO)	(iii)	20.000.000.000	20.000.000.000
		<b>73.570.200.000</b>	<b>73.570.200.000</b>

0300  
CÔN  
ÁCH NH  
B  
VIỆT  
TP.

- (i) Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 1,35 triệu cổ phiếu, tương đương 22,5% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domedic là khám và chữa bệnh, bán lẻ thuốc thành phẩm.
- (ii) Công ty Cổ phần Domenal (DOMENAL) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000099 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 3 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 125 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 4 triệu cổ phiếu, tương đương 32% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domenal là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc thú y, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y; thuốc thú y thủy sản; thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; các loại hóa chất và thiết bị máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- (iii) Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 460300373 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 10.000 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của VIPACO là sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh và kinh doanh bao bì nhựa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 4.12 Đầu tư dài hạn khác

		31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Cổ phiếu	(i)	5.962.980.000	4.630.560.000
Trái phiếu chính phủ		-	13.200.000
		<b>5.962.980.000</b>	<b>4.643.760.000</b>

#### (i) Bao gồm

	Mệnh giá	Số lượng cổ phiếu	Giá mua bình quân	31/12/2010 (VND)
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPV	100.000	100	100.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	10.000	47.000	13.319	626.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bình Thuận	100.000	28.450	184.155	5.239.200.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	100.000	798	110.000	87.780.000
				<b>5.962.980.000</b>

14886  
IG T  
EM H  
OO  
NAI  
H  
S

### 4.13 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Công cụ dụng cụ	1.795.050.602	3.468.115.547
Thuê cửa hàng, văn phòng	1.348.870.979	95.271.000
Chi phí quảng cáo	75.000.000	-
Chi phí sửa chữa	-	1.463.832.929
	<b>3.218.921.581</b>	<b>5.027.219.476</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.14 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2010 (VND)</b>	<b>01/01/2010 (VND)</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	(i) 62.451.007.612	36.691.739.361
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	(ii) 11.672.973.750	-
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	(iii) 22.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Domenal	-	10.000.000.000
Vay cá nhân, tổ chức khác	(iv) 7.781.000.000	40.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp	(v) 9.078.000.000	4.088.000.000
	<b>112.982.981.362</b>	<b>70.819.739.361</b>

- (i) Đây là khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với lãi suất từ 9,9%/năm đến 11,4%/năm, thời hạn vay 12 tháng, được sử dụng để thanh toán tiền hàng.
- (ii) Đây là khoản vay tín chấp từ 1 đến 6 tháng với lãi suất cho vay VND 12%/năm và cho vay USD 4,4%/năm.
- (iii) Đây là khoản vay tín chấp với lãi suất 9,5%/năm
- (iv) Đây là khoản vay tín chấp cá nhân không kỳ hạn với lãi suất 1%/tháng.
- (v) Đây là khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (xem chi tiết ở thuyết minh số 4.20 (i))

**4.15 Phải trả người bán**

	<b>31/12/2010 (VND)</b>	<b>01/01/2010 (VND)</b>
Bên liên quan	146.114.540	32.692.000
Bên thứ ba	42.494.155.611	72.364.200.281
	<b>42.640.270.151</b>	<b>72.396.892.281</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 4.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	2.515.570.088	2.063.567.113
Thuế tiêu thụ đặc biệt	50.412.424	4.870.535
Thuế xuất nhập khẩu	39.357.196	222.747.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.090.608.988	16.370.816.769
Thuế thu nhập cá nhân	1.372.106.990	364.377.831
Thuế tài nguyên	1.850.808	1.683.808
Các loại thuế khác	68.776.886	62.861.722
	<b>12.138.683.380</b>	<b>19.090.924.929</b>

### 4.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Kinh phí công đoàn	3.159.120.968	2.400.528.837
Bảo hiểm xã hội	292.130.082	116.591.454
Nhân ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.355.490.860	925.898.735
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	63.154.839	143.154.839
Cổ tức	33.160.000	33.160.000
Sở Y Tế Lâm Đồng	302.947.785	897.500.285
Đại học Y Dược	178.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	101.217.000	430.605.726
	<b>10.485.221.534</b>	<b>4.947.439.876</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

### 4.18 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng (VND)	Quỹ phúc lợi (VND)	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ (VND)	Cộng (VND)
<b>01/01/2010</b>	<b>277.369.297</b>	<b>313.842.579</b>	<b>4.060.499.296</b>	<b>4.651.711.172</b>
Trích lập quỹ	5.500.000.000	6.496.195.112	-	11.996.195.112
Thu tiền khác	-	10.454.500	-	10.454.500
Chi liên hoan tết Dương Lịch	-	(111.362.800)	-	(111.362.800)
Chi sinh nhật Công ty ( 19/5 )	(241.300.000)	-	-	(241.300.000)
Chi Tết Nguyên Đán	(4.900.000.000)	-	-	(4.900.000.000)
Chi quà tặng khách hang	-	(1.495.181.900)	-	(1.495.181.900)
Chi phúc lợi cho người lao động	-	(3.044.081.633)	-	(3.044.081.633)
Khấu hao	-	-	(46.326.704)	(46.326.704)
Chi khám bệnh	-	(352.361.344)	-	(352.361.344)
Bồi dưỡng, đào tạo	-	(1.437.807.287)	-	(1.437.807.287)
Chi thể thao	-	(89.569.000)	-	(89.569.000)
Chi khác	(153.923.784)	-	-	(153.923.784)
<b>31/12/2010</b>	<b>482.145.513</b>	<b>290.128.227</b>	<b>4.014.172.592</b>	<b>4.786.446.332</b>

### 4.19 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	931.249.931	3.417.660.752
	<b>931.249.931</b>	<b>3.417.660.752</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.20 Vay và nợ dài hạn**

		<b>31/12/2010 (VND)</b>	<b>01/01/2010 (VND)</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Đồng Tháp	(i)	14.597.401.700	11.541.101.700
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	(ii)	9.487.500.000	-
		<b>24.084.901.700</b>	<b>11.541.101.700</b>

- (i) Đây là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp có hạn mức 28.537.000.000 đồng, với lãi suất từ 6,9%/năm, thời hạn 5 năm kể từ tháng 6 năm 2009, nhằm đầu tư Nhà máy chiết xuất nguyên liệu-dược liệu, với tài sản đảm bảo là giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy chiết xuất nguyên liệu-dược liệu.
- (ii) Đây là khoản vay dài hạn bằng VND từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam trong thời hạn 60 tháng chịu lãi suất là 13,5%/năm để chuyển trả đợt 2 tiền mua Máy sắc ký lồng ghép khối phổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**4.21 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

		<b>31/12/2010 (VND)</b>	<b>01/01/2010 (VND)</b>
Số dư đầu năm		189.751.445	154.395.736
- Trích lập		180.997.223	44.755.509
- Chi trong kỳ		(117.379.850)	(9.399.800)
Số dư cuối năm		<b>253.368.818</b>	<b>189.751.445</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**4.22 Vốn chủ sở hữu**  
**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quý (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>01/01/2009</b>	<b>137.699.990.000</b>	<b>229.275.000.000</b>	<b>(10.925.191.085)</b>	<b>59.962.318.020</b>	<b>7.557.455.320</b>	<b>47.522.387.635</b>	<b>471.091.959.890</b>
Tăng vốn trong năm trước	40.393.370.000	-	-	(40.393.370.000)	-	-	76.362.466.059
Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quý	-	-	(4.812.195.330)	-	-	-	(4.812.195.330)
Thu lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.815.882.015)	(1.815.882.015)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.688.945.355	-	(15.688.945.355)	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	3.002.968.289	(3.002.968.289)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.208.904.866)	(9.208.904.866)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(27.034.458.000)	(27.034.458.000)
Thuê phòng căn bộ, nhân viên	-	-	-	-	-	(4.818.549.264)	(4.818.549.264)
Giảm khác	-	-	-	(2.204.480.222)	-	(307.260.000)	(2.511.740.222)
<b>01/01/2010</b>	<b>178.093.360.000</b>	<b>229.275.000.000</b>	<b>(15.737.386.415)</b>	<b>33.053.413.153</b>	<b>10.560.423.609</b>	<b>62.007.885.905</b>	<b>497.252.696.252</b>
Kết quả hoạt động trong kỳ Thù lao Hội đồng Quản trị 2009	-	-	-	-	-	82.791.634.722	82.791.634.722
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	27.678.395.933	-	(27.678.395.933)	-
Trích quỹ dự phòng TC	-	-	-	-	3.665.398.371	(3.665.398.371)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.996.195.112)	(11.996.195.112)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(17.503.519.000)	(17.503.519.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị 2010	-	-	-	-	-	(883.069.000)	(883.069.000)
Chi đào tạo	-	-	-	(2.495.167.207)	-	-	(2.495.167.207)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(171.250.000)	(171.250.000)
<b>31/12/2010</b>	<b>178.093.360.000</b>	<b>229.275.000.000</b>	<b>(15.737.386.415)</b>	<b>58.236.641.879</b>	<b>14.225.821.980</b>	<b>82.398.446.526</b>	<b>546.491.883.970</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2010 (VND)</b>	<b>Năm 2009 (VND)</b>
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu kỳ	407.368.360.000	366.974.990.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	40.393.370.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	<b>407.368.360.000</b>	<b>407.368.360.000</b>
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	17.503.519.000	27.034.458.000

**Cổ tức**

Công ty đã công bố cổ tức của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 10%. Trong năm 2010, Công ty đã chi trả cổ tức của năm 2009 là 17.503.519.000 đồng (4.880,67 đồng/cổ phiếu).

Cổ tức cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ được đề xuất trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2011.

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.809.336	17.809.336
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.809.336	17.809.336
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(305.817)	(305.817)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.503.519	17.503.519
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu**

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Doanh thu bán hàng hóa	401.672.573.790	473.641.444.906
Doanh thu sản xuất thuốc	704.559.417.699	592.617.015.376
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	2.162.173.607	1.745.169.160
Doanh thu sản xuất rượu	471.063.285	372.486.329
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.233.418.187	3.519.009.334
	<b>1.113.098.646.568</b>	<b>1.071.895.125.105</b>

**5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Chiết khấu thương mại	66.053.011.182	-
Hàng bán bị trả lại	3.462.149.820	3.997.822.113
Thuế tiêu thụ đặc biệt	143.987.718	-
	<b>69.659.148.720</b>	<b>3.997.822.113</b>

**5.3 Doanh thu thuần**

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Doanh thu thuần	<u>1.043.439.497.848</u>	<u>1.067.897.302.992</u>

**5.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	365.772.647.505	427.643.083.617
Giá vốn sản xuất thuốc	361.065.992.695	321.713.339.867
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	1.148.281.875	778.026.651
Giá vốn sản xuất rượu	290.650.950	161.308.808
	<b>728.277.573.025</b>	<b>750.295.758.943</b>

**5.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	508.439.226	564.485.775
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.455.349.000	2.945.400.500
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	195.740.000	12.359.980
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.637.954.836	3.545.533.879
Chiết khấu	3.080.855.517	327.835.023
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39.787.889	14.413.982
	<b>7.918.126.468</b>	<b>7.410.029.139</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**5.6 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2010 (VND)</b>	<b>Năm 2009 (VND)</b>
Lãi tiền vay	14.033.238.359	5.153.557.779
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	825.372.918	815.580.866
Lỗ từ chuyển nhượng chứng khoán	-	4.294.851.133
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.130.335.243	3.043.644.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	953.605.181	569.969.388
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	(6.119.156.000)
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(1.050.000.000)
Chi phí tài chính khác	95.627.446	6.524.176
	<b>20.038.179.147</b>	<b>6.714.971.345</b>

**5.7 Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2010 (VND)</b>	<b>Năm 2009 (VND)</b>
Chi phí vật liệu, bao bì	2.225.492.561	7.607.087.568
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.921.453.216	2.806.481.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.318.305.741	105.745.525.659
Chi phí khác bằng tiền	2.188.604.413	3.993.115.440
	<b>98.653.855.931</b>	<b>120.152.210.215</b>

**5.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2010 (VND)</b>	<b>Năm 2009 (VND)</b>
Chi phí nhân viên quản lý	54.896.177.552	59.046.174.879
Chi phí vật liệu quản lý	1.282.039.899	1.118.988.646
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.055.883.210	2.865.212.749
Thuế, phí và lệ phí	2.285.576.963	1.739.962.218
Chi phí dự phòng	-	5.000.987.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.888.006.524	8.565.411.454
Chi phí khác bằng tiền	13.688.402.796	15.553.971.372
	<b>91.096.086.944</b>	<b>93.890.709.242</b>

**5.9 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2010 (VND)</b>	<b>Năm 2009 (VND)</b>
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	8.399.545	500.000
Thu tiền bán hồ sơ thầu	36.777.997	18.181.819
Chiết khấu	53.614.219	-
Thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	12.818.181.818
Thu nhập khác	-	136.599.227
	<b>98.791.761</b>	<b>12.973.462.864</b>

0301  
CÔA  
CH NHIE  
BD  
ÊTA  
P. HỒ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**5.10 Chi phí khác**

	<b>Năm 2010 (VND)</b>	<b>Năm 2009 (VND)</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán	-	357.485.032
Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất được chuyển nhượng	-	4.680.000.000
Chi phí khác	3.013.732	1.596.256
	<b><u>3.013.732</u></b>	<b><u>5.039.081.288</u></b>

**5.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	<b>Năm 2010 (VND)</b>	<b>Năm 2009 (VND)</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành (i)	30.596.072.576	35.825.597.903
	<b><u>30.596.072.576</u></b>	<b><u>35.825.597.903</u></b>

## (i) Chi phí thuế TNDN ước tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành

	Hoạt động sản xuất (VND)	Hoạt động khác (VND)	<b>Năm 2010 (VND)</b>	<b>Năm 2009 (VND)</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.322.523.810	65.183.488	113.387.707.298	112.188.063.962
<i>Điều chỉnh:</i>				
Chi phí không được trừ	39.795.211.909	1.252.792.684	41.048.004.593	63.509.647.260
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	-	(1.455.349.000)	(1.455.349.000)	(2.945.400.500)
Tổng cộng	53.117.735.719	(137.372.828)	152.980.362.891	172.752.310.722
Cấn trừ	(137.372.828)	137.372.828	-	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN	52.980.362.891	-	152.980.362.891	172.752.310.722
Thuế suất	20%	25%		
Chi phí thuế TNDN	<u>30.596.072.576</u>	-	<b><u>30.596.072.576</u></b>	<b><u>35.825.597.903</u></b>

**5.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

		<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(VND)	82.791.634.722	76.362.466.059
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(VND)	-	-
		<u>82.791.634.722</u>	<u>76.362.466.059</u>
Số lượng bình quân quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	(Cổ phiếu)	17.503.519	17.558.626
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu)	<u>4.730</u>	<u>4.349</u>

**6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

- (i) Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần DOMENOL	(Việt Nam)	Công ty con
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	(Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần DOMENAL	(Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ caoVĩnh Tường	(Việt Nam)	Công ty liên kết

- (ii) Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2010 (VND)	Năm 2009 (VND)
Công ty Cổ phần DOMENOL	Góp vốn	4.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	Góp vốn	-	4.500.000.000
	Vay	2.000.000.000	20.000.000.000
	Bán hàng	1.592.837.703	940.734.881
	Lãi vay	2.465.000.004	321.944.444
Công ty Cổ phần DOMENAL	Vay	-	4.351.800.000
	Trả nợ vay	10.000.000.000	27.351.800.000
	Bán hàng	488.216.115	63.040.000
	Lãi vay	730.313.668	2.243.369.004
	Chi phí mua cổ phiếu của DOMEDIC	-	70.200.000
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ caoVĩnh Tường	Mua hàng	642.784.400	125.220.000



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

(iii) Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	31/12/2010 (VND)	01/01/2010 (VND)
Công ty Cổ phần DOMENOL	Vốn góp	4.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	Vốn góp	13.570.200.000	13.570.200.000
	Vay	22.000.000.000	20.000.000.000
	Phải thu bán hàng	340.692.257	330.538.772
Công ty Cổ phần DOMENAL	Vốn góp	40.000.000.000	40.000.000.000
	Vay	-	10.000.000.000
	Phải thu bán hàng	53.550.000	-
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao VĨNH Tường	Vốn góp	20.000.000.000	20.000.000.000
	Phải trả mua hàng	146.114.540	32.692.000



HUỲNH TRUNG CHÁNH  
Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

*Phạm Ngọc Tuyền*  
PHẠM NGỌC TUYỀN  
Kế toán trưởng